

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim
2. Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 235/2025/TLST-HN&GD, ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. *Nơi cư trú:* Số nhà C, đường Đ, tổ A, thôn E, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Thái Thị H, sinh năm 1983. *Địa chỉ cư trú:* Số nhà C, đường Đ, tổ A, thôn E, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Hộ khẩu thường trú:* Thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Nay là xã V, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, trình bày: Vào năm 2017, ông Nguyễn Văn T và bà Thái Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng,

chứng nhận kết hôn số 87/2017, ngày 17/12/2017. Trong thời gian ông bà chung sống, cả hai không có sự đồng cảm, thấu hiểu, yêu thương nhau, mà thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T là do bà H không có nghề nghiệp, mỗi khi ông có góp ý là bà Hồng G, bỏ nhà đi, bà cũng hay đi chơi ít lo cho gia đình. Ngoài ra ông T còn cho rằng bà H có quan hệ tình cảm với người khác. Ông và bà H đã ly thân đến nay hơn 3 tháng, trong thời gian ly thân bà H đã dẫn 01 con nhỏ về quê Đà Nẵng sinh sống. Nay ông xác định hôn nhân giữa ông với bà H không còn hạnh phúc, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho cả hai và các con nên ông yêu cầu ly hôn bà H.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Thái Thị H có 02 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 09/11/2018 và Nguyễn Thái Phúc L1, sinh ngày: 24/01/2022. Từ khi ông, bà ly thân thì ông T đang nuôi dưỡng con Nguyễn Phúc L, bà H dẫn con Nguyễn Thái Phúc L1 theo. Nay ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 01 con là Nguyễn Phúc L và đồng ý giao đưa con nhỏ là Nguyễn Thái Phúc L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Thái Thị H trình bày: Vào năm 2017, bà và ông T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, chứng nhận kết hôn số 87/2017, ngày 17/12/2017. Trong thời gian chung sống cả hai không có sự đồng cảm, thấu hiểu, yêu thương nhau. Mâu thuẫn kéo dài nên bà đã ly thân ông T, bà dẫn con Nguyễn Thái Phúc L1 về Đà Nẵng sinh sống. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 09/11/2018 và Nguyễn Thái Phúc L1, sinh ngày: 24/01/2022. Trong thời gian ly thân bà nuôi con Nguyễn Thái Phúc L1. Ông T nuôi con Nguyễn Phúc L. Nay bà yêu cầu nuôi hết 02 con, bà yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho bà nuôi con 2.500.000 đồng/con/tháng, 02 con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về con chung.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật
- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị

HĐXX chấp nhận, xử cho ông T ly hôn bà H là phù hợp. Về con chung: Mỗi người nuôi con 01 con như hiện tại là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn nguyên đơn tại phiên tòa, kết quả công bố các tài liệu, chứng cứ là lời khai của bị đơn có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Thái Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chứng nhận kết hôn số 87/2017, ngày 17/12/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ông bà không còn vun đắp hạnh phúc vợ chồng mà thường xuyên có mâu thuẫn. Đến nay bà H đã ly thân với ông T, bà bỏ về Đà Nẵng sinh sống. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng cả hai đều thống nhất ly hôn. Xét cuộc hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, có kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho ông, bà. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông T, xử cho ông ly hôn bà H là phù hợp.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 09/11/2018 và Nguyễn Thái Phúc L1, sinh ngày: 24/01/2022, nay cháu lớn là Nguyễn Phúc L đang sống chung với ông T tại xã V, cháu nhỏ là Nguyễn Thái Phúc L1 đang sống với bà H. Nay ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu lớn là Nguyễn Phúc L và đồng ý giao cháu nhỏ là Nguyễn Thái Phúc L1 cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của ông T là hoàn toàn phù hợp. Bởi ông bà ly thân cũng đã gần nửa năm nay, các cháu cũng đã có cuộc sống với cha hoặc mẹ ổn định rồi nên không cần thay đổi sẽ làm cho đời sống tinh thần của các cháu bị ảnh hưởng. Hơn nữa, bà H hiện đang có nghề buôn bán quá cà phê, thu nhập không ổn định, giao cho bà nuôi 02 cháu thì không đảm bảo cho các cháu phát triển ổn định tinh thần và thể chất. Vì vậy nghĩ nên giao mỗi người nuôi một con chung như hiện nay là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Do mỗi người nuôi 01 cháu nên không cần xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T là người khởi kiện nên ông phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 225, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Điều 28 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Thái Thị H.
- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 09/11/2018 và giao cho bà Thái Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Nguyễn Thái Phúc L1, sinh ngày: 24/01/2022. Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000543 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng. Ông T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (25/8/2025), bị đơn Thái Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng
- Phòng THADS Khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đức Linh- Lưu HSVA, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa